

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG						
1. Cấp giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010727 - Một phần						
Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các dự án/cơ sở nằm ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế.						
a) Trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày						
a1) Lưu đồ thẩm định, cấp giấy phép môi trường: 15 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	03 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn (**) - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên môn và chuyên Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng	- thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng	- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Tổ chức họp thẩm định + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định. + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	- Phòng Môi trường	08 ngày	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng	- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT) - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung, chỉnh sửa là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Bước 6	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 9	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 7	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 8	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	01 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày			
a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung (theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 05 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ; Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép. - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa.	Phòng Môi trường	02 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 4	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	01 ngày			
Bước 5	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,25 ngày			
Bước 6	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	01 ngày			
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày			
b) Trường hợp đối với trường hợp dự án/cơ sở còn lại - theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 30 ngày						
b1) Lưu đồ thẩm định, cấp giấy phép môi trường: 30 ngày						

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	07 ngày			
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn (**) - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn và chuyển Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Thành lập HĐTĐ hoặc đoàn kiểm tra + Tổ chức họp HĐTĐ hoặc kiểm tra thực tế + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định. + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị	- Phòng Môi trường	10,5 ngày			- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng	- Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung, chỉnh sửa là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Bước 6	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 9	- Lãnh đạo Sở	02 ngày			
Bước 7	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	1,5 ngày			
Bước 8	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	08 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày			
b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung (theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 10 ngày						

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép. - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa.	Phòng Môi trường	5,5 ngày			
Bước 4	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	1,5 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	- Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Bộ phận tiếp nhậ và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường				
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày			
Ghi chú: (*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến. (**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026). Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. HĐTĐ: hội đồng thẩm định; VB: văn bản; TĐ: thẩm định; HS: hồ sơ; Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC: Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, PMT: Phòng Môi trường; UBND Tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.						
2. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010729 - Toàn trình (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 09//2026/TT-BNNMT): 15 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhậ và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	0 đồng		- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	- Phòng Môi trường	01 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn và chuyển Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 9 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn + Tiến hành các hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không đạt)	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	10 ngày			
Bước 6	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 9	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 7	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 8	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	01 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày			
Ghi chú: (*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến. (**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026). Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. HĐTĐ: hội đồng thẩm định; VB: văn bản; TĐ: thẩm định; HS: hồ sơ; Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC: Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, PMT: Phòng Môi trường; UBND Tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.						
3. Cấp lại giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010730 - Một phần (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 09/2026/TT-BNNM)						
a1) Lưu đồ thẩm định, cấp phép môi trường: 30 ngày						

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định: - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	- Phòng Môi trường	07 ngày			
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. và chuyển Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Thành lập HĐTĐ hoặc đoàn kiểm tra + Tổ chức họp HĐTĐ hoặc kiểm tra thực tế + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định.	- Phòng Môi trường	10,5 ngày			- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	+ Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng	thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng	số 09/2026/TT-BNNMT) - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung, chỉnh sửa là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Bước 6	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 9	- Lãnh đạo Sở	02 ngày			
Bước 7	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	1,5 ngày			
Bước 8	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai	08 ngày			
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (văn phòng UBND tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung (theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT): 10 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	5,5 ngày			
Bước 4	- Ký tờ trình cấp phép - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai	1,5 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng UBND tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày			
Ghi chú: (*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến. (**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026). Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. HĐTĐ: hội đồng thẩm định; VB: văn bản; TĐ: thẩm định; HS: hồ sơ; Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC: Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, PMT: Phòng Môi trường; UBND Tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.						
4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã thủ tục: 1.010733 - Một phần						
a) Trường hợp 1 (đối với các dự án đầu tư Nhóm I - theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Luật BVMT và Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 45 ngày						
a1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 30 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Họp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	Phòng Môi trường	27 ngày	hội đồng. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ:	Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.500.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ:	
Bước 3	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	- Lãnh đạo Sở	02 ngày			
Bước 4	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	- Phòng Môi trường	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				25.000.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng	12.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.100.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):	Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.050.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng - Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ	Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 7.800.000 đồng - Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng	1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 2.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.950.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 5.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng	2.650.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.350.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng	Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.8500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1,	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
					2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 3.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.500.000 đồng	
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày			
<i>a2) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình phê duyệt - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	10 ngày			
Bước 4	- Ký tờ trình phê duyệt - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và phát thanh truyền hình Đồng Nai	02 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày			
b) Trường hợp đối với các dự án đầu tư Nhóm II - theo quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 4 Điều 28 của Luật BVMT và điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 35 ngày						

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
b1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 20 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp đồng. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp đồng. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.500.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Hợp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	Phòng Môi trường	17 ngày			
	Bước 3					Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 4	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	- Phòng Môi trường	0,5 ngày	≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng	5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.8500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.050.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng - Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:	4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 7.800.000 đồng - Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng	động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 2.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.950.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng	và ≤ 200 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 5.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.650.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.350.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.100.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ	Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.8500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.700.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 3.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.500.000 đồng	
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày			
b2) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày						

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình phê duyệt - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	10 ngày			
Bước 4	- Ký tờ trình phê duyệt - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và phát thanh truyền hình Đồng Nai	02 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Văn phòng UBND tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
c) Trường hợp 3 (đối với các dự án đầu tư công - thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến – theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 25 ngày						
c1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 10 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤	- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng. Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ	Phòng Môi trường	07 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Hợp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			100 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng	100 tỷ: 3.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.500.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng	
Bước 3	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	- Lãnh đạo Sở - Văn phòng	02 ngày			
Bước 4	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	- Phòng Môi trường	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤	Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.050.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				500 tỷ: 20.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng <i>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</i> Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng	500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 7.800.000 đồng <i>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</i> Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 2.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.900.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤	Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.950.000 đồng Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 5.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.650.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.350.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				100 tỷ: 8.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):	100 tỷ: 4.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 5. Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng Nhóm 6. Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng	Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 3.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.500.000 đồng	
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày			
b) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình phê duyệt	Phòng Môi trường	10 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	- Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa					
Bước 4	- Ký tờ trình phê duyệt - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và phát thanh truyền hình Đồng Nai	02 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Văn phòng UBND tỉnh)
Bước 7	- Nhận Quyết định và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ , LỆ PHÍ (VNĐ)		GHI CHÚ
				Trực tiếp	Trực tuyến	
5. Thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Mã thủ tục: 1.010735 - Một phần						
a) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP): 20 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Mức thu phí thẩm định: 1. Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng 2. Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng 3. Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng 4. Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng 5. Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng	- Mức thu phí thẩm định: 1. Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng 2. Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng 3. Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng 4. Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng 5. Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 7.800.000 đồng	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Hợp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	Phòng Môi trường	17 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ , LỆ PHÍ (VNĐ)		GHI CHÚ
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 3	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	- Lãnh đạo Sở - Văn phòng	02 ngày			
Bước 4	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng	0,5 ngày			
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
b) Lưu đồ phê duyệt - theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP): 10 ngày						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhậ và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình phê duyệt - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	05 ngày			
Bước 4	- Ký tờ trình phê duyệt - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	- Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 5	Trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh	Văn phòng	0,5 ngày			
Bước 6	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác	- Chủ tịch UBND Tỉnh - Báo và phát thanh truyền hình Đồng Nai	02 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Văn

	khoáng sản và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.				phòng UBND tỉnh)
Bước 7	- Nhận Quyết định và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày		